

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH MIỆN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **54/2021/HS-ST**

Ngày: 06-9-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Đức Chính.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Đình Phúc và bà Đoàn Thị Chuyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mừng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuê - Kiểm sát viên.

Ngày 06/9/2021 tại Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 51/2021/TLST-HS ngày 17/8/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2021/QĐXXST-HS ngày 26/8/2021, đối với bị cáo:

La Hải Đ, sinh năm 2001 tại Lạng Sơn; nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Hoa; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn C và bà La Bích L; tiền án, tiền sự: Không; đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Phạm Văn Đ - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hải Dương.

- Bị hại: Ông Trịnh Văn T, sinh năm 1950 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1951; nơi cư trú: Thôn C, xã Đ, huyện T, tỉnh Hải Dương; đều vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1984; nơi cư trú: Thôn P, xã T, huyện A, tỉnh Hưng Yên; vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. NLC1,

2. NLC2.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do cần tiền chi tiêu, NLC1, sinh ngày 11/8/2003; cư trú tại: Thôn C, xã Đ, huyện T, tỉnh Hải Dương đã rủ La Hải Đ đi trộm cắp tài sản nhà ông nội của NLC1 là ông Trịnh Văn T ở cùng thôn. Đ đồng ý. Khoảng 0 giờ 20 phút ngày 14/02/2021, Đ đi bộ đến nhà NLC1 để đi trộm cắp tài sản. NLC1 mang theo chùm chìa khóa nhà của ông T (thường gửi tại nhà NLC1), sử dụng xe đạp của mẹ mình là NLC2 chở Đ đến nhà ông T. Đến nơi, NLC1 để xe ở ngoài cổng gần Nhà văn hóa thôn C rồi cùng Đ đi bộ vào nhà ông T. Cả hai trèo tường vào trong sân. NLC1 dùng chìa khóa mở cổng để chuẩn bị đường tẩu thoát. NLC1 bảo Đ ở ngoài sân canh giới, còn mình mở cửa chính vào trong nhà tìm được chùm

chìa khóa gồm chìa khóa xe máy, chìa khóa tủ của vợ chồng ông T để ở trên tường cuối giường ngủ rồi đi ra ngoài. NLC1 dùng chìa khóa mở khóa hình chữ "U" đang khóa chiếc xe máy Dream biển kiểm soát 34F1-048.63 của ông T dựng ở ngoài sân, mở khóa điện xe, dắt ra ngoài giao cho Đ rồi quay vào trong nhà dùng chìa khóa mở tủ quần áo, lấy được đăng ký xe, căn cước công dân, bảo hiểm xe và giấy phép lái xe của ông T cùng số tiền 3.400.000 đồng. Sau khi lấy được tài sản, Đ điều khiển xe đạp đi trước, NLC1 điều khiển xe máy đi sau để về nhà NLC1 cất xe đạp rồi cả hai mang xe máy vừa trộm cắp được ra nghĩa trang nhân dân Thôn N, xã T, huyện T cất giấu và về nhà đi ngủ. Đến khoảng 6 giờ sáng cùng ngày, NLC1 và Đ mang chiếc xe máy trộm cắp được bán cho anh Nguyễn Văn T, ở thôn P, xã T, huyện A, tỉnh Hưng Yên, với giá 17.500.000 đồng. Tổng số tiền do trộm cắp mà có là 20.900.000 đồng, NLC1 chia cho Đ 1.500.000 đồng, chi tiêu cá nhân hết 950.000 đồng; còn lại 18.450.000 đồng, NLC1 đã giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát Điều Công an huyện Thanh Miện tra quản lý. La Hải Đ đã tiêu hết 1.300.000 đồng, còn lại 200.000 đồng giao nộp cho Cơ quan Điều tra.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 03 ngày 26/02/2021, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Thanh Miện kết luận: Xe mô tô Dream của ông Trịnh Văn T trị giá 12.000.000 đồng.

Tại Kết luận giám định pháp y tâm thần theo trung cầu số 149/KLGD ngày 25/5/2021, Viện Pháp y tâm thần trung ương kết luận: Trước, trong khi thực hiện hành vi phạm tội ngày 13 rạng sáng ngày 14/02/2021 và tại thời điểm giám định bị can La Hải Đ bị bệnh chậm phát triển tâm thần nhẹ. Theo phân loại bệnh Quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số F70, kèm theo HIV dương tính. Tại các thời điểm trên bị can bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Tại bản Cáo trạng số 53/CT-VKS ngày 15/8/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương truy tố La Hải Đ ra trước Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện để xét xử về tội Trộm cắp tài sản, theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo La Hải Đ khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, công nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện là đúng, xin giảm nhẹ hình phạt và được cải tạo tại địa phương.

Bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Quá trình điều tra, bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại nào khác và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền các bị cáo còn thiếu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử: Về tội danh: Tuyên bố bị cáo La Hải Đ phạm tội Trộm cắp tài sản; về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, q, s khoản 1, 2 Điều 51, khoản 1, 2 Điều 65; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo La Hải Đ từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Tân Trào giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách; về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo làm nghề tự do, thu nhập không ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo; về trách nhiệm dân sự: Không phải giải quyết; về vật chứng: Không phải xử lý; về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng

hình sự, Luật phí và lệ phí, Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm. Người bào chữa cho bị cáo trình bày bài bào chữa cho bị cáo, xác định việc truy tố, xét xử đối với bị cáo La Hải Đ là đúng quy định của pháp luật; đồng tình với quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân về việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ, án phí đối với bị cáo. Riêng về hình phạt chính, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến hoàn cảnh, tình trạng bệnh tật của bị cáo để áp dụng mức hình phạt 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thanh Miện, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định bị cáo có tội: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa và trong quá trình điều tra phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của NLC1, lời khai của bị hại, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 01 giờ ngày 14/02/2021, tại gia đình ông Trịnh Văn T, ở Thôn C, xã Đ, huyện T, NLC1 và La Hải Đ có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 chiếc xe mô tô Dream BKS 34F1-048.63, giấy tờ cá nhân và số tiền 3.400.000 đồng để tại tủ quần áo trong phòng khách của gia đình ông Trịnh Văn T. Chiếc xe máy chiếm đoạt của ông T, bị cáo bán được 17.500.000 đồng; tuy nhiên, Hội đồng định giá xác định giá trị chiếc xe máy bị cáo chiếm đoạt là 12.000.000 đồng, nên dùng số tiền Hội đồng định giá xác định làm căn cứ định tội đối với bị cáo. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt của gia đình ông Trịnh Văn T là 15.400.000 đồng. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc trộm cắp tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của người khác là trái pháp luật, nhưng vì mục đích tư lợi, bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội Trộm cắp tài sản, quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, giữa NLC1 và bị cáo không có sự câu kết chặt chẽ. Bị cáo là người bị NLC1 rủ rê, do bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp với vai trò giúp sức cho NLC1. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện thực hành quyền công tố đã luận tội đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng. Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội gây nguy hại không lớn cho xã hội và từ trước đến nay chưa phạm tội lần nào; tại thời điểm thực hiện hành vi

phạm tội và thời điểm được giám định pháp y tâm thần, bị cáo là người bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi; quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải, nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ tương ứng quy định tại các điểm i, q, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử sẽ xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng. Bị cáo phạm tội với vai trò thứ yếu trong vụ án đồng phạm. Căn cứ vào khả năng nhận thức của bị cáo về tính chất nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội, nguyên nhân và điều kiện gây ra tội phạm, bản thân bị cáo bị HIV cần sự giúp đỡ của gia đình; Hội đồng xét xử thấy không cần phải áp dụng hình phạt tù giam mà cho bị cáo hưởng án treo, giao cho gia đình, chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục giúp đỡ bị cáo sửa chữa sai lầm, trở thành công dân có ích cho xã hội, đồng thời bảo đảm hiệu quả giáo dục, phòng ngừa.

[4] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là cá nhân thuộc hộ nghèo, nghề nghiệp, thu nhập không ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Ông Trịnh Văn T đã nhận lại tài sản bị trộm cắp gồm: 01 Xe mô tô BKS 34F1-048.63, giấy tờ cá nhân và số tiền 3.400.000 đồng. Anh Nguyễn Văn T đã nhận lại số tiền 15.250.000 đồng, còn thiếu 2.250.000 đồng so với tổng số tiền đã mua xe của NLC1 (17.500.000 đồng) nhưng tự nguyện cho, không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả. Ông Trịnh Văn T và anh Nguyễn Văn T không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo, nên Hội đồng xét xử không phải giải quyết.

[6] Về xử lý vật chứng của vụ án, trách nhiệm hình sự đối với NLC1 đã được giải quyết tại Bản án số 32/2021/HS-ST ngày 17/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

[7] Về án phí: Bị cáo La Hải Đ là cá nhân thuộc hộ nghèo và đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm, nên không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173; điểm i, q, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo La Hải Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo La Hải Đ 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo La Hải Đ cho Ủy ban nhân dân xã Tân Trào, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo La Hải Đ được miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị hại có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND huyện Thanh Miện;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Người bào chữa;
- CQ CSĐT Công an huyện Thanh Miện;
- CQ THAHS Công an huyện Thanh Miện;
- Bộ phận HSNV Công an huyện Thanh Miện;
- Chi cục THADS huyện Thanh Miện;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Đức Chính